

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày 29-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Phạm Thiên Viết.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà H'Ra Chen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/HSST-QĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/HSST-QĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Kim U (U), sinh năm 1987 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: Thôn 3, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở: Bon B, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Trung Ch và bà Lương Kim Y; có chồng là Nguyễn Quang Tr và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; các bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2024 đến ngày 04/02/2024 chuyển tạm giam đến nay – Có mặt.

2. Phạm Ngọc Q, sinh năm 1986 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Bon B, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn N và bà Phan Thị T (đã chết); có vợ là Nghiêm Thị Th và 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; các bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc Q:* Ông Y L (có mặt), ông Phạm Quang L (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông.

- *Nguyên đơn dân sự:* Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc B – Chức vụ: Chủ tịch công ty.

Ông Nguyễn Quốc T – Chức vụ: Phó giám đốc công ty – có mặt.

Địa chỉ: 58/1 Nguyễn Trường T, phường E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1983 – có mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người làm chứng:*

Anh Phan Trọng N, sinh năm 1991 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

Anh Y B, sinh năm 1977 – Kiểm lâm viên Hạt kiểm lâm liên huyện Tuy Đức – Đắk R'Lấp – có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện ĐL, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 9 năm 2023, Nguyễn Thị Kim U nảy sinh ý định lấn chiếm đất gần rẫy của mình tại khu vực bon B, xã QT, huyện TĐ để trồng cây hoa màu nên đã gọi điện thoại cho Lê Văn H thuê xe máy mức để đào đất thì H đồng ý. Sau đó, cả hai thống nhất đi xem vị trí đất, khi đi H gọi Phạm Ngọc Q (là lái xe máy mức thuê cho H) đi cùng. Khi đến nơi, U chỉ cho H và Q biết vị trí đất cần làm có diện tích khoảng 8.280m² thuộc bon B, xã QT, huyện TĐ do Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại xây dựng và dịch vụ VC quản lý. U yêu cầu H sử dụng xe máy mức đào đất và gạt lại những chỗ đất không bằng phẳng với giá tiền công là 800.000 đồng/01 giờ thì H đồng ý. Sau đó, U đã cho H tạm ứng số tiền 9.000.000 đồng, số còn lại khi nào hoàn thành công việc sẽ thanh toán.

Sáng ngày 08/10/2023, H sử dụng điện thoại di động gọi cho U thông báo sẽ cho xe máy mức vào tiến hành công việc đào đất, đồng thời bàn giao cho Q một xe máy mức (nhãn hiệu KOBELCO, loại gầu 0,7m³) để thực hiện công việc. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe máy mức đi vào khu vực đất nói trên thì gặp U đang đứng đợi ở đường. Lúc này, U yêu cầu Q điều khiển xe máy mức đi theo hướng dẫn của U đến diện tích đất rừng tại lô 20ca, 23, 23a, 23a29, 29, 29a khoảnh 02, tiểu khu 1481 thuộc địa giới hành chính xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp N quản lý. Khi cả hai đến nơi, Q phát hiện vị trí đất có nhiều cây rừng, không đúng với thỏa thuận ban đầu nên hỏi U “Làm có sao không”, U trả lời “Cứ làm đi, không sao hết”. Lúc này, U yêu cầu Q mức đổ các cây có trên đất rồi gom lại thành lối, vị trí ranh giới là dọc theo rãnh mương có sẵn trên đất đến vị trí giáp đất trồng cây mắc ca tiến lên phía đỉnh đồi. Nghe vậy, Q không báo lại cho H biết mà đồng ý với U sẽ thực hiện công việc vào 07 giờ 30 phút ngày hôm sau.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/10/2023, Q điều khiển xe máy mức dùng gàu đẩy ngã các cây gỗ rồi sử dụng gàu mức bật gốc cây lên khỏi mặt đất và gom lại thành lối. Đến khoảng 08 giờ 00 cùng ngày, U đi kiểm tra thấy Q đang thực hiện đúng như mình yêu cầu nên đi về nhà. Q tiếp tục điều khiển xe máy mức phá các cây rừng trái phép đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Hạt kiểm lâm liên huyện Tuy Đức - Đăk R'Lấp và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp N phát hiện lập biên bản vụ việc. Sau đó, Hạt kiểm lâm liên huyện Tuy Đức - Đăk R'Lấp đã chuyển nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 10/10/2023, liên ngành Công an, Hạt kiểm lâm và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đã tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định diện tích rừng bị hủy hoại do hành vi sử dụng xe máy mức của Phạm Ngọc Q gây ra là 7.110m².

Tại bản Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 01-2023/KL/GĐTT ngày 07/11/2023 do Giám định viên Nguyễn Văn S, Hồ Quý H, Trần Thanh Ph, kết luận như sau:

- Về diện tích rừng bị thiệt hại: 7110 m² (0,7110 ha).
- Về loại rừng: Toàn bộ rừng bị thiệt hại 0,7110 ha thuộc loại rừng sản xuất.
- Về trạng thái rừng: Tổng trữ lượng cây rừng (không tính các cây bị vùi lấp, phần ngọn của cây bị gãy) tại khu vực bị thiệt hại (0,7110ha) là 51,465m³ tương đương 72,283m³/ha thuộc trữ lượng rừng nghèo. Trong diện tích 0,7110ha thì có 0,580 ha là trạng thái rừng tự nhiên thường xanh nghèo và 0,131 ha là trạng thái đất trống.
- Về mức độ thiệt hại: 100%,
- Khu rừng bị hủy hoại thuộc lô 20ca, 23, 23a, 23a29, 29, 29a khoảnh 2 tiểu khu 1481 do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp N quản lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 15/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tuy Đức, kết luận: Giá trị phải bồi thường rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo huyện Tuy Đức sau khi điều tra thực địa đã xác định khu rừng này có trữ lượng 72,383m³/ha là 316.342.614 đồng (ba trăm mười sáu triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm mười bốn đồng).

Cáo trạng số 33/CT-VKS-TĐ ngày 13/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Kim U, Phạm Ngọc Q về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị Kim U, Phạm Ngọc Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố các bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Kim U, Phạm Ngọc Q mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Thiệt hại do các bị cáo Nguyễn Thị Kim U, Phạm Ngọc Q gây ra là 316.342.614 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Kim U đã tự nguyện bồi thường số tiền 158.171.307 đồng, bị cáo Phạm Ngọc Q đã tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức. Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Văn H đồng ý liên đới bồi thường cùng với bị cáo Phạm Ngọc Q số tiền còn lại nên đề nghị buộc bị cáo Phạm Ngọc Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn H phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp N số tiền còn lại là 138.171.000 đồng (làm tròn số).

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã ra quyết định xử lý trả lại 01 xe máy mức nhãn hiệu KOBELCO cho anh Lê Văn H là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Kim U, Phạm Ngọc Q không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc Q trình bày: Việc truy tố, xét xử đối với bị cáo Phạm Ngọc Q về tội “Hủy hoại rừng” là đúng, không oan; việc yêu cầu bồi thường của nguyên đơn dân sự là hợp lý; việc đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Ngọc Q là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết bị cáo Phạm Ngọc Q có điều kiện kinh tế khó khăn, do tin tưởng người thuê là bị cáo U. Bị cáo Phạm Ngọc Q có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Người bào chữa đồng ý với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Q mức hình phạt 06 tháng tù, buộc bị cáo liên đới với anh Lê Văn H bồi thường số tiền thiệt hại còn lại cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp N, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Phạm Ngọc Q.

Đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm của anh Lê Văn H và buộc các bị cáo, đương sự bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp N theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 07 giờ 30 phút đến 17 giờ ngày 09/10/2023 tại khu rừng thuộc lô 20ca, 23, 23a, 23a29, 29, 29a khoảnh 02, tiểu khu 1481 xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp N quản lý, Nguyễn Thị Kim U thuê, chỉ đạo Phạm Ngọc Q thực hiện hành vi điều khiển xe máy mức xô đẩy, mức bật gốc các cây rừng rồi gom lại thành lõi trái phép với diện tích 5800m² (0,580 ha) gây thiệt hại về rừng quy thành tiền là 316.342.614 đồng (ba trăm mười sáu triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm mười bốn đồng).

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Kim U, Phạm Ngọc Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định.

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b, Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);

... ”

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội do các bị cáo Nguyễn Thị Kim U, Phạm Ngọc Q gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý Nhà nước về môi trường, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương cũng như công tác quản lý, bảo vệ rừng. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi, vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả hành vi của mình gây ra; bị cáo U có bố, mẹ có công với cách mạng; bị cáo Q là gia đình thuộc diện hộ nghèo, sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng, cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo và thực trạng hành vi xâm phạm đến rừng, lâm sản đang diễn ra phức tạp trên địa bàn, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Tuy nhiên, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim U là người thuê bị cáo Phạm Ngọc Q, bị cáo Phạm Ngọc Q là người trực tiếp hủy hoại rừng, vai trò của các bị cáo là như nhau, cùng với nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nhau nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt ngang nhau là phù hợp.

[7] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức về tội danh và mức hình phạt và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kim U, Phạm Ngọc Q là có căn cứ, phù hợp, cần chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Thiệt hại và lâm sản và môi trường do các bị cáo Nguyễn Thị Kim U, Phạm Ngọc Q gây ra là 316.342.614 đồng, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường, chia theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 158.171.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Kim U đã tự nguyện bồi thường số tiền 158.171.307 đồng, bị cáo Phạm Ngọc Q đã tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, bị cáo Phạm Ngọc Q đồng ý bồi thường số tiền còn lại. Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Văn H đồng ý liên đới bồi thường cùng với bị cáo Phạm Ngọc Q số tiền còn lại. Xét thấy, việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại của bị cáo Phạm Ngọc Q và anh Lê Văn H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần buộc bị cáo Phạm Ngọc Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn H phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp N số tiền còn lại là 138.171.000 đồng.

[9] Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã ra quyết định xử lý trả lại 01 xe máy mức nhãn hiệu KOBELCO cho anh Lê Văn H là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp cần chấp nhận.

[10] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc Q, đại diện nguyên đơn dân sự về vấn đề bồi thường thiệt hại là có căn cứ, cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Kim U phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo Phạm Ngọc Q thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Phạm Ngọc Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kim U (U), Phạm Ngọc Q phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim U (Uyên) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/02/2024.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị Kim U tại phiên tòa.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Q 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị Kim U đã tự nguyện bồi thường số tiền 158.171.307 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu một trăm bảy mươi một nghìn ba trăm linh bảy đồng), bị cáo Phạm Ngọc Q đã tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp N. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp N được nhận tiền bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc Q và anh Lê Văn H phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp N số tiền 138.171.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án.

3. *Về vật chứng vụ án:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã ra quyết định xử lý trả lại 01 xe máy mức nhãn hiệu KOBELCO cho anh Lê Văn H là chủ sở hữu hợp pháp.

4. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim U phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Phạm Ngọc Q.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến bồi thường thiệt hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Chi Cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các bị cáo;
- Lưu, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu